

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Giồng Riềng, ngày 01 tháng 10 năm 2018 .

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01/10/2018

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Lê Văn Hồng Chinh**
- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông **Phan Ngọc Lợi**

2. Bà **Trần Ngọc Điệp**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:**
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2018/TLST - HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2018 tranh chấp “hôn nhân và gia đình ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐST-HN, ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị Huyền T**, sinh năm 1992.

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện R, tỉnh Kiên Giang;

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2018 và trong quá trình hòa giải tại Tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T trình bày:

Chị và anh L tự tìm hiểu và kết hôn vào ngày 25/6/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện R, tỉnh Kiên Giang. Anh, chị chung sống hạnh phúc được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không phù hợp tính ý, anh thường đi sớm về tối không rõ lý do, ngoài ra anh thường đá gà ăn tiền, mâu

thuần ngày càng trầm trọng, không tự giải quyết được, đến tháng 09/2017 đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L.

Tại bản tự khai ngày 10/9/2018 và quá trình giải quyết vụ án anh L công nhận lời trình bày của chị Huyền T về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nhưng anh L không đồng ý ly hôn vì anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị T chưa đến mức trầm trọng và có khả năng đoàn tụ, nên anh xin được đoàn tụ.

Tại phiên tòa chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L, vì chị và anh đã ly thân hơn một năm nay, không ai quan tâm đến ai, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Anh L xác định không có mâu thuẫn gì lớn, có khả năng đoàn tụ được nên anh xin đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị Huyền T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L nên tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn L là bị đơn có nơi cư trú tại ấp K, xã H, huyện R, tỉnh Kiên Giang, nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huyền T và anh L tự tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện R, tỉnh Kiên Giang. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tự hòa giải được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 09/2017, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cho anh chị ly hôn là đúng thực tế phù hợp pháp luật.

Anh L xin đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được giải pháp hòa giải cũng như thể hiện của anh còn quan tâm lo lắng, chăm sóc cho chị T, từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử không thể thỏa mãn nguyện vọng của anh, mà cần cho anh chị ly hôn là đúng thực tế phù hợp pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Không có, không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị Huyền T có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007156 ngày 29/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện R.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Huyền T. Xử cho chị và anh Nguyễn Văn L được ly hôn.

[2]. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí:

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 0007156 ngày 29/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện R.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 01/10/2018.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Văn Hồng Chinh